TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẮC NINH
TỔ ĐỊA LÍ

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ LẦN 4 - KHỐI 12 NĂM 2023
Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI
Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút; không kể thời gian phát đề

Họ và tên: ..... Số báo danh: ..... **Mã đề 106**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích cây công nghiệp lâu năm lớn nhất trong các tỉnh sau đây?
A. Đắk Lắk. **B.** Bình Thuận. **C.** Bình Định. **D.** Kon Tum.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ VÀ SỮA TƯƠI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	2015	2016	2018	2020
Cà phê *(nghìn tấn)*	87,6	95,4	107,4	123,4
Sữa tươi *(triệu lít)*	1027,9	1105,5	1217,9	1365,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi sản lượng cà phê và sữa tươi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?
A. Đường. **B.** Cột. **C.** Kết hợp. **D.** Miền.

Câu 3. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Đồng Nai. **B.** Tây Ninh. **C.** Bình Dương. **D.** Bình Phước.

Câu 4. Ngành dịch vụ nước ta đang chuyển dịch theo hướng
A. hạn chế các ngành mà thị trường không có nhu cầu.
B. phát triển các sản phẩm có chất lượng cao và giá rẻ.
C. tập trung nguồn vốn cho phát triển giáo dục đào tạo.
D. ưu tiên phát triển các lĩnh vực thuộc kết cấu hạ tầng.

Câu 5. Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác thủy năng kết hợp với thủy lợi ở Tây Nguyên là
A. tạo động lực phát triển kinh tế, sử dụng tốt tài nguyên.
B. điều tiết dòng chảy sông, phát triển nuôi trồng thủy sản.
C. phát huy thế mạnh, mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.
D. cung cấp năng lượng, nâng cao đời sống cho nhân dân.

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?
A. Cà Mau. **B.** Kiên Giang. **C.** An Giang. **D.** Đồng Tháp.

Câu 7. Cho biểu đồ:

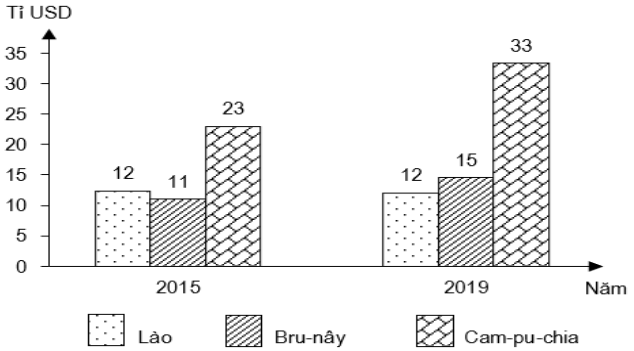

TỔNG GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2015 VÀ 2019
(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tổng giá trị xuất nhập khẩu năm 2019 so với năm 2015 của một số quốc gia?
A. Lào giảm, Cam-pu-chia tăng. **B.** Bru-nây tăng nhiều hơn Cam-pu-chia.

C. Cam-pu-chia tăng nhanh hơn Bru-nây. **D.** Lào tăng, Cam-pu-chia giảm.

Câu 8. Mạng lưới đường bộ nước ta hiện nay được mở rộng và hiện đại hóa chủ yếu do

A. nền kinh tế phát triển nhanh, nhu cầu rất lớn. **B.** chất lượng lao động tăng lên, nhiều kĩ sư giỏi.

C. huy động được vốn, tập trung đầu tư phát triển. **D.** dân số đông, nhu cầu đi lại ngày càng tăng.

Câu 9. Việc xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ mang lại ý nghĩa chủ yếu là

A. cung cấp năng lượng, thúc đẩy công nghiệp hóa, ổn định dân cư.

B. định canh, định cư cho đồng bào dân tộc, giải quyết việc làm.

C. khai thác hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu lũ lụt, nâng cao dân trí.

D. nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch, khai thác tốt tài nguyên.

Câu 10. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất?

A. Ngọc Krinh. **B.** Vọng Phu. **C.** Nam Decbri. **D.** Lang Bian.

Câu 11. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây thuộc cấp quốc gia?

A. Huế. **B.** Vinh. **C.** Nha Trang. **D.** Đà Lạt.

Câu 12. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. khai thác hợp lí nguồn lợi hải sản và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

B. tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết vấn đề thực phẩm.

C. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra sự liên kết sản xuất lãnh thổ.

D. bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phát triển những sản phẩm có giá trị.

Câu 13. Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong khu vực I ở Đồng bằng sông Hồng là

A. giải quyết việc làm cho người lao động, tạo khối lượng nông sản lớn.

B. khai thác hiệu quả các thế mạnh, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường.

C. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, tăng khối lượng hàng xuất khẩu.

D. giảm tỉ lệ thiếu việc làm cho lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 14. Phân bón là sản phẩm của ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Vật liệu xây dựng. **B.** Năng lượng.

C. Hóa chất. **D.** Cơ khí.

Câu 15. Loại tài nguyên cần bảo tồn, tôn tạo giá trị tài nguyên và bảo vệ cảnh quan khỏi bị ô nhiễm là

A. khoáng sản. **B.** nước ngọt. **C.** sinh vật. **D.** du lịch.

Câu 16. Lãnh thổ Việt Nam là nơi có

A. sự giao tranh của các khối khí theo mùa. **B.** các khối khí hoạt động suốt quanh năm.

C. gió Tín phong hoạt động mạnh cả năm. **D.** gió mùa mùa đông hoạt động trên cả nước.

Câu 17. Cho bảng số liệu

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2020

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Dân số *(triệu người)*	271,7	15,5	32,8	109,6
Dân thành thị (%)	56,7	23,8	76,6	47,1

(Nguồn: Niên giám thông kê Việt Nam 2020, NXB Thông kê, 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có số dân nông thôn ít nhất?

A. In-đô-nê-xi-a. **B.** Ma-lai-xi-a. **C.** Phi-lip-pin. **D.** Cam-pu-chia.

Câu 18. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Nam. **B.** Ninh Thuận. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

Câu 19. Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển, chủ yếu do

A. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.

B. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.

C. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lý của Nhà nước.

D. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.

Câu 20. Việc sử dụng các giống cây trồng mới ở Đông Nam Bộ nhằm

A. giữ nước ở hồ chứa. **B.** mở rộng rừng.

C. tăng sản lượng. **D.** bảo vệ vườn quốc gia.

Câu 21. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

A. Cần Thơ. **B.** Nha Trang. **C.** Mỹ Tho. **D.** Vũng Tàu.

Câu 22. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

A. Hạ Long. **B.** Cần Thơ. **C.** Hà Nội. **D.** Nha Trang.

Câu 23. Khu công nghiệp nước ta

A. gồm nhiều tỉnh và thành phố. **B.** có nhiều ngành chuyên môn hóa.

C. không có dân cư sinh sống. **D.** gắn với đô thị vừa và lớn.

Câu 24. Cơ cấu cây trồng nước ta đa dạng do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Sự phát triển của khoa học kĩ thuật. **B.** Nguồn nước nước ngầm phong phú.

C. Có nhiều loại đất trồng khác nhau. **D.** Trình độ lao động ngày càng tăng.

Câu 25. Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

A. phát triển thủy lợi, thay đổi cơ cấu, sống chung với lũ.

B. cải tạo đất đai, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.

C. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.

D. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.

Câu 26. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết tỉnh nào sau đây trồng cả cà phê và hồ tiêu?

A. Quảng Trị. **B.** Thanh Hóa. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Quảng Bình.

Câu 27. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường biển trong nước dài nhất nối Hải Phòng với nơi nào sau đây?

A. Đà Nẵng. **B.** Cửa Lò. **C.** Quy Nhơn. **D.** TP Hồ Chí Minh.

Câu 28. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nơi nào sau đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn trên 20^0C?

A. Hà Nội. **B.** Nha Trang. **C.** Đồng Hới. **D.** Sa Pa.

Câu 29. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen?

A. Nam Định. **B.** Hưng Yên. **C.** Hải Dương. **D.** Hải Phòng.

Câu 30. Cho biểu đồ về thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2020:

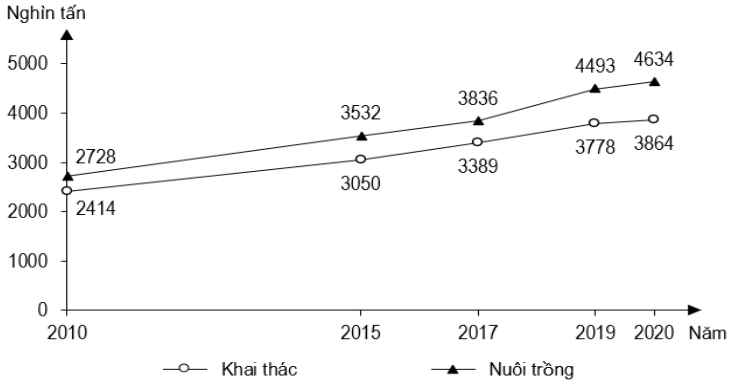

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.

B. Thay đổi sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.

C. Quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.

D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.

Câu 31. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ nào sau đây thuộc lưu vực hệ thống sông Hồng?

A. Hồ Ba Bể. **B.** Hồ Kẻ Gỗ. **C.** Hồ Trị An. **D.** Hồ Cấm Sơn.

Câu 32. Hướng chủ yếu làm tăng sản lượng thủy sản khai thác ở nước ta hiện nay là
A. tăng cường nguồn lao động có trình độ. **B.** phát triển mạnh công nghiệp chế biến.
C. hiện đại phương tiện để đánh bắt xa bờ. **D.** áp dụng các kĩ thuật đánh bắt hiện đại.

Câu 33. Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là
A. hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển. **B.** giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.
C. tạo hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường. **D.** tăng cường giao lưu kinh tế giữa các huyện đảo.

Câu 34. Ở nước ta, mạng lưới đô thị khác nhau giữa các vùng chủ yếu do
A. cơ sở hạ tầng và kĩ thuật. **B.** phân bố các vùng kinh tế.
C. quy hoạch phát triển đô thị. **D.** trình độ phát triển kinh tế.

Câu 35. Biện pháp nào sau đây là chủ yếu nhằm giải quyết việc làm ở nông thôn nước ta hiện nay?
A. Thực hiện tốt các chính sách dân số. **B.** Giao quyền sử dụng đất cho nông dân.
C. Đẩy mạnh trồng các cây hàng năm. **D.** Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất.

Câu 36. Biện pháp hạn chế tác hại do lũ quét đối với tài sản và tính mạng của nhân dân là
A. quy hoạch lại các điểm dân cư. **B.** xây dựng nhiều hồ chứa nước.
C. trồng và bảo vệ rừng ven biển. **D.** xây dựng hệ thống đê ngăn lũ.

Câu 37. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng ở Bắc Trung Bộ phát triển chủ yếu do
A. lao động có trình độ cao, nguồn vốn đầu tư lớn, nguyên liệu phong phú.
B. nguyên liệu phong phú, thu hút nhiều dự án đầu tư, thị trường rộng lớn.
C. hạ tầng phát triển đồng bộ, lao động dồi dào, trình độ sản xuất khá cao.
D. thu hút nhiều đầu tư nước ngoài, thị trường rộng lớn, hạ tầng phát triển.

Câu 38. Địa hình nước ta chịu tác động mạnh mẽ của quá trình bóc mòn chủ yếu do
A. đường bờ biển dài, nhiều đồi núi, sườn dốc, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. đồi núi chiếm diện tích lớn, mưa lớn tập trung, lớp phủ thực vật bị tàn phá.
C. mức độ chia cắt địa hình lớn, khí hậu nóng và ẩm, lớp vỏ phong hóa dày.
D. chế độ thủy triều phức tạp, vùng đồi núi rộng, khí hậu nóng ẩm, mưa mùa.

Câu 39. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành hóa chất, phân bón?
A. Quy Nhơn. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Nha Trang. **D.** Phan Thiết.

Câu 40. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây?
A. Gia Lai. **B.** Lào Cai. **C.** Bình Dương. **D.** Lai Châu.

------ HẾT ------

- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	C	D	D	A	B	C	C	A	D	A	B	B	C	D	A	B	D	D	C
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
D	C	C	C	D	A	D	B	D	B	A	C	C	D	D	A	B	A	C	C